

Bản án số: **64/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 17-9-2021  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Văn Thề.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Trần Đăng Thanh.

**- *Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 173/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 (Có mặt).

*Nơi cư trú:* Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương H - Luật sư Chi nhánh Công ty Luật TNHH Hà Đăng tại Bắc Ninh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

*Địa chỉ:* Số 50, Đường H, khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

*2. Bị đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1976 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Nơi đăng ký tạm trú:* Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*Hiện đang chấp hành án tại:* Phân trại số 1, Trại giam N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:* Anh và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1995, nhưng đến năm 1997 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, chị T về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng sống chung cùng nhau tại số 6, Đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2011, vợ chồng anh chuyển về sinh sống và làm việc tại thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống, nhất là về vấn đề kinh tế, vợ chồng không bảo ban được nhau. Vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không có quan hệ tình cảm gì, không ai quan tâm đến ai. Đến ngày 23/4/2018, chị T đã có hành vi vi phạm pháp luật và hiện tại đang chấp hành án tại Trại giam N. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1997 và Nguyễn Minh T, sinh năm 1999. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 11/8/2021 chị Phạm Thị T trình bày:* Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 12/6/1997, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu, vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do làm ăn thua lỗ, vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh C có đơn xin ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1997 và Nguyễn Minh T, sinh năm 1999. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị T. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn chị Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của chị T có trong hồ sơ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Thị Phương H phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Phạm Thị T. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung do anh C không đề nghị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C: Cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Phạm Thị T.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị T có nơi đăng ký tạm trú tại thôn Mào Gà, xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án theo quy định cho bị đơn chị Phạm Thị T. Chị T đã có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn với Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Thị T theo thủ **tục** chung.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lạng Sơn, được cấp giấy Chứng nhận kết hôn ngày 12/6/1997. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, không ai còn quan tâm tới ai. Anh Nguyễn Văn C đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị T, chị T đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn C vẫn kiên quyết không muốn về đoàn tụ cùng chị Phạm Thị T. Chị Phạm Thị T cũng xác định không thể tiếp tục chung sống với anh C được nữa, điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của anh C.

[2.2]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị T có hai con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1997 và Nguyễn Minh T, sinh năm 1999. Nay các con chung đã trưởng thành, anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C: Cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Phạm Thị T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo Biên lai thu số 0010324 ngày 02 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Dương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

(đã ký)

**Phan Văn Th<sup>2</sup>ể**